

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 81/TC-CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 1995

THÔNG TƯ

BỘ TÀI CHÍNH SỐ 81/TC-CĐKT NGÀY 10/11/1995

HƯỚNG DẪN CHUYỂN SỔ KHI ÁP DỤNG HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1141/TC-QĐ-CĐKT ngày 1 tháng 11 năm 1995 ban hành hệ thống chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp từ ngày 1 tháng 1 năm 1996. Để việc triển khai hệ thống kế toán mới được thuận lợi, Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp chuyển sổ từ hệ thống tài khoản kế toán đang áp dụng sang hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 1141 - TC/QĐ/CĐKT ngày 1/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

I/ YÊU CẦU:

- Khi các doanh nghiệp triển khai thực hiện chế độ kế toán, thì phải chuyển sổ dư từ tài khoản kế toán đang áp dụng sang tài khoản kế toán mới (kể cả đối với những doanh nghiệp đã thực hiện thí điểm chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 1205 - TC/CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 1994 của Bộ Tài chính).
- Tất cả các số liệu kế toán trước và sau khi chuyển sổ phải đầy đủ, chính xác, đảm bảo khớp đúng giữa giá trị và hiện vật, giữa số liệu kế toán tổng hợp và số liệu kế toán chi tiết, giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.
- Trước khi chuyển sổ kế toán, các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải đối chiếu, xác định chính xác và giải quyết các khoản phải thu, nợ phải trả, kiểm kê tài sản vật tư hàng hóa, đảm bảo số liệu đầu kỳ chuyển sang hệ thống kế toán mới rõ ràng, minh bạch.
- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức, tính chất và nội dung hoạt động kinh doanh, căn cứ vào nội dung hệ thống tài khoản kế toán mới, từng đơn vị nghiên cứu vận dụng các tài khoản một cách phù hợp. Trường hợp thấy cần thiết phải bổ sung thêm tài khoản cấp 1 (loại 3 số) phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

II: TRÌNH TỰ CÁC VIỆC PHẢI LÀM KHI CHUYỂN SỔ:

1. Trước khi chuyển sổ kế toán, các doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hoá... đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và hiện vật, đối chiếu xác minh công nợ, khoá sổ kế toán các tài khoản, lên bảng cân đối tài khoản, lập bảng tổng kết tài sản theo chế độ kế toán cũ.
2. Tổ chức việc tập huấn cho tất cả cán bộ, nhân viên kế toán... nắm được nội dung và biết cách vận dụng về phương pháp và trình tự ghi chép của chế độ kế toán mới, cũng như phương pháp chuyển số dư của các tài khoản từ sổ kế toán cũ sang sổ kế toán mới.
3. Chuẩn bị đầy đủ các chứng từ, sổ kế toán phù hợp với hệ thống tài khoản kế toán mới.
4. Tính toán số dư các tài khoản kế toán mới trên cơ sở số dư của các tài khoản kế toán đang áp dụng (xem phụ lục).

Khi tính toán số dư để ghi vào các tài khoản kế toán mới cần chú ý các trường hợp:

- Số dư của một tài khoản cũ liên quan đến số dư của nhiều tài khoản mới, thì phải phân tích số dư của các tài khoản cũ để ghi vào số dư của tài khoản mới theo nội dung phù hợp.
 - Số dư của một tài khoản mới liên quan số dư của nhiều tài khoản cũ thì phải phân tích và tiến hành cộng số dư của các tài khoản cũ hoặc chi tiết các TK cũ để ghi vào số dư của một tài khoản mới.
 - Những tài khoản mới phản ánh các hoạt động kinh tế mới phát sinh mà chưa có quy định hướng dẫn trong hệ thống tài khoản cũ thì phải căn cứ vào nội dung của tài khoản mới để xác định số dư từ tài khoản cũ mà đơn vị đã sử dụng để hạch toán các hoạt động đó.
5. Sau khi tính được số dư của các tài khoản mới phải lập bảng cân đối số dư tài khoản và lập bảng cân đối kế toán ở thời điểm đầu kỳ khi áp dụng chế độ kế toán mới.
 6. Căn cứ vào số dư mới tính được của các tài khoản kế toán mới, kế toán ghi vào số dư đầu kỳ của các sổ kế toán mới cho từng tài khoản.
 7. Kiểm tra, soát xét và đối chiếu lại toàn bộ số liệu mới đã ghi trên sổ kế toán và báo cáo kế toán, đảm bảo khớp đúng giữa các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán, giữa giá trị và hiện vật...

III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

Để các đơn vị tính toán số dư và chuyển số dư được chính xác và thuận lợi, dưới đây là phần phụ lục (đính kèm) hướng dẫn chuyển số dư từ tài khoản cũ sang tài khoản mới.

Trong quá trình thực hiện chuyển số, nếu có gì vướng mắc, khó khăn đề nghị các ngành, các cấp, các doanh nghiệp phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn thêm./.

HƯỚNG DẪN CHUYỂN SỐ DƯ TỪ TÀI KHOẢN CŨ SANG TÀI KHOẢN MỚI

1. Tài khoản 111 - Tiền mặt.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 50 (Tiền mặt), sau khi trừ đi giá trị tín phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu hiện có chưa thanh toán, kết quả được ghi vào số dư đầu kỳ bên Nợ của tài khoản 111 (Tiền mặt).

- TK 1111 - Tiền Việt nam.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 501 (tiền VN) để ghi vào bên Nợ TK:

1111 - Tiền Việt nam.

- TK 1112 - Ngoại tệ

Căn cứ vào số dư Nợ TK 503 (ngoại tệ) để ghi vào bên Nợ TK:

1112 - Ngoại tệ

-TK 1113 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 502 (tín phiếu vàng bạc) trừ đi phần tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu, kết quả được ghi vào số dư đầu kỳ bên Nợ TK: 1113 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

2. Tài khoản: 112 - Tiền gửi ngân hàng.

Lấy số dư Nợ TK: 51 (Tiền gửi ngân hàng) trừ đi phần ký quỹ được phản ánh trên tài khoản 51, kết quả tìm được phản ánh vào bên Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

- TK 1121 - Tiền Việt nam.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 511, TK 513 sau khi trừ đi số tiền ký quỹ đã phản ánh ở TK 511, kết quả tìm được ghi vào bên Nợ TK 1121

- TK 1122 - Ngoại tệ

Căn cứ vào số dư Nợ TK: 512 (ngoại tệ) để ghi vào bên Nợ TK 1122 - Ngoại tệ.

- TK 1123 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 51 - chi tiết phần vàng bạc, đá quý gửi ở ngân hàng để ghi vào bên Nợ TK: 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

3. Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 52 (tiền đang chuyển) để ghi vào bên Nợ TK 113.

- TK 1131 - Tiền Việt nam

Căn cứ vào số dư Nợ TK 52 - chi tiết phần tiền Việt nam đang chuyển để ghi vào bên Nợ TK 1131.

- TK 1132 - Ngoại tệ

Căn cứ vào số dư Nợ TK 52 - Chi tiết phần tiền ngoại tệ đang chuyển để ghi vào bên Nợ TK 1132.

4. Tài khoản 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Căn cứ số dư Nợ TK 502 (tín phiếu, vàng bạc) chi tiết phần dư Nợ, tín phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu ngắn hạn để ghi vào bên Nợ TK 121.

5. Tài khoản 128 - Đầu tư ngắn hạn khác.

6. Tài khoản 129 - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

7. Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Căn cứ vào số dư TK 61 (Thanh toán với người mua) để ghi vào số dư TK 131 - phải thu của khách hàng.

8. Tài khoản 136 - Phải thu nội bộ.

TK 1361 - Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc.

TK 1361 chỉ áp dụng đối với đơn vị kinh doanh cấp trên, mà bên dưới có các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ vào số dư Có TK 80 (Nguồn vốn cố định) và số dư Có TK 81 (Nguồn vốn lưu động) và số dư Có TK 82 (Nguồn vốn XDCB) - phần chi tiết số trích khấu hao tài sản cố định ở các đơn vị trực thuộc, kế toán đơn vị kinh doanh cấp trên ghi vào số dư bên Nợ TK 1361 - Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc.

- TK 1368 - Phải thu nội bộ khác.

Căn cứ vào số dư nợ chi tiết TK 63 (Thanh toán nội bộ) số tiền còn phải thu ở các đơn vị nội bộ để ghi vào bên Nợ TK 1368.

9. Tài khoản 138 - Phải thu khác.

Số dư từ tài khoản cũ được ghi vào bên Nợ TK 138 (Phải thu khác) được căn cứ vào số dư của các tài khoản sau:

- Căn cứ vào số dư Nợ TK 662 (Thanh toán thu nhập liên doanh) để ghi vào bên Nợ tài khoản 1388.
- Căn cứ vào số dư Nợ TK 671 (Tài sản thiếu) và số dư Nợ chi tiết TK 622 để ghi vào bên Nợ TK 1381.

10. Tài khoản 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

11. Tài khoản 141 - Tạm ứng

Căn cứ vào số dư tài khoản 621 (Tạm ứng) để ghi vào số dư Tài khoản 141.

12. Tài khoản 142 - Chi phí trả trước.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 361 - "Chi phí chờ phân bổ" để ghi vào bên Nợ Tài khoản 1421.

+ Căn cứ vào số dư Nợ TK 34 (Chi phí lưu thông) để ghi vào bên Nợ TK 1422 (Chi phí chờ kết chuyển).

13. Tài khoản 144 - Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

Căn cứ vào số dư Nợ chi tiết TK 51 - Chi tiết phần ký quỹ ngắn hạn cộng (+) với số dư phần tài sản thế chấp, ký cược được phản ánh trên tài khoản 622 để ghi vào bên Nợ TK 144.

14. Tài khoản 151 - Hàng mua đang đi trên đường.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 20 (Mua hàng) để ghi vào bên Nợ TK 151.

15. Tài khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Căn cứ vào số dư Nợ TK 21 (Nguyên liệu vật liệu) để ghi vào bên Nợ Tài khoản 152.

16. Tài khoản 153 - Công cụ, dụng cụ

Căn cứ vào số dư Nợ TK 22 (Công cụ lao động nhỏ) để ghi vào bên Nợ TK 153.

17. Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Căn cứ vào số dư Nợ TK 30 (SXKD chính) (+) cộng với số dư Nợ TK 31 (SXKD phụ) (+) cộng với số dư Nợ TK 37 (Thiệt hại trong SX) để ghi vào bên Nợ TK 154.

18. Tài khoản 155 - Thành phẩm